TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 805/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 11/8/2020
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TP.HỒ CHÍ MINH

Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Yến Ngọc
Các Hội thẩm nhân dân:
1.Ông Nguyễn Văn Hồi
2. Bà Nguyễn Thị Kim Liên
- *Thư ký phiên tòa*: Bà Phạm Thị Hiếu Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

Đại diện VKSND huyện H tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1460/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 146/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 116/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị Kim Th, Sinh năm 1977

Địa chỉ: XXX Lê Đức Thọ, phường 16, quận G, TPHCM

Bị đơn: Ông Nguyễn Duy K, Sinh năm 1974

Địa chỉ: XXX Lê Đức Thọ, phường 16, quận G, TPHCM
Tạm trú: YYY tổ 10 ấp 4 xã Đ, huyện H, TP.HCM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/10/2019, Bản tự khai ngày 15/10/2019, ngày 06/02/2020, Biên bản không tiến hành hòa giải được các ngày 06/02/2020, ngày 03/4/2020, ngày 20/5/2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đoàn Thị Kim Th trình bày:

Bà và ông K không có thời gian tìm hiểu mà thông qua mai mối của gia đình, năm 1999 bà Th và ông K tự nguyện quyết định xây dựng hạnh phúc gia

đình, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND phường 16, quận G, TP. HCM theo quy định. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng sống tại nhà do bà xây dựng trên phần đất của cha ruột bà cho. Quá trình sống chung đôi bên thường xuyên mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp, ông K không chung thủy, ngoại tình với người phụ nữ khác, đôi bên không có tình yêu thương nên không quan tâm chăm sóc lẫn nhau nhưng bà vẫn cố gắng hàn gắn để xây dựng cuộc sống chung. Đến đầu năm 2016 phát sinh mâu thuẫn gay gắt nên bà và ông K ly thân đến nay. Nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, không còn tin tưởng nhau, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả. Do vậy, bà Th yêu cầu được ly hôn với ông K theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Quá trình sống chung hai bên không có con ruột nhưng cùng thống nhất nhận 01 bé trai làm con nuôi. Bé tên Nguyễn Đoàn Thiên A, sinh ngày 07/4/2009, sau ly hôn bà Th yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ A, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không tranh chấp tại tòa;

Nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã tổ chức các phiên hòa giải cho các bên đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng phía bị đơn là ông Nguyễn Duy K vắng mặt không đến Tòa án để tiến hành hòa giải mặc dù đã được tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện H đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Luật Hôn nhân gia đình và Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện H nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Đoàn Thị Kim Th khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Duy K, quan hệ tranh chấp giữa bà Th và ông K là ly hôn theo yêu cầu của một bên được quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014. Bị đơn là ông Nguyễn Duy K có tạm trú tại YYY tổ 10 ấp 4 xã Đ, huyện H, TP.HCM nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Th, ông K khai thông qua mai mối bà và ông K tự nguyện xây dựng gia đình, tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 16, quận G, TPHCM ngày 31/8/1999 nên đây là hôn nhân hợp pháp theo Điều 08, Điều 09 của Luật hôn nhân gia đình nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Nay bà Th yêu cầu ly hôn với ông K nên Tòa án nhân dân huyện H căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 để giải quyết. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay bà Th vẫn cương quyết xin ly hôn với ông K do bất đồng quan điểm sống, không có tình yêu thương vợ chồng, không quan tâm đến nhau và ông K ngoại tình.

Hội đồng xét xử xét thấy bà Th và ông K có thời gian chung sống từ năm 1999 đến năm 2016, quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không còn tin tưởng, không quan tâm chăm sóc nhau và không tôn trọng nhau, ông K ngoại tình. Do không có tình yêu thương nên bà cũng không quan tâm ông K ngoại tình với ai. Năm 2016 bà Th đã ly thân với ông K và từ đó đến nay bà không quan tâm đến cuộc sống của ông K, ông K cũng không liên lạc và không thăm nom, chăm sóc con chung cũng như không có động thái gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà Th. Mặt khác, bà Th cung cấp cho Tòa án một số hình ảnh chứng minh cho việc ông K không chung thủy, ngoại tình và thường xuyên mang quần áo của người phụ nữ khác về giặt và phơi tại nhà chung của hai bên. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà Th và ông K là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu lời khai và ly hôn của bà Th là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Th được ly hôn với ông K theo quy định.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống bà Th ông K không có con ruột do bà Thvà ông K cùng sinh ra nhưng đến năm 2009, hai bên thống nhất nhận bé Nguyễn Đoàn Thiên A, sinh ngày 07/4/2009 làm con nuôi. Tại Bản sao Giấy khai sinh số 204 ngày 22/4/2009 (*trích sao từ Giấy khai sinh số 204 ngày 20/4/2009*) của UBND phường 16, quận G TP.HCM ghi phần tên mẹ là Đoàn Thị Kim Th, phần tên cha ghi tên Nguyễn Duy K. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định con chung của bà Th và ông K là trẻ Nguyễn Đoàn Thiên A, sinh ngày 07/4/2009.

Tòa án có tiến hành thu thập lời khai ghi nhận ý kiến của trẻ A, tại bản tự khai trẻ A có nguyện vọng muốn được ở cùng mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy Bà Th cung cấp chứng cứ chứng minh có nguồn thu nhập ổn định để nuôi con và từ khi ly thân đến nay trẻ A đang sống cùng mẹ nên tiếp tục giao trẻ A cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện hiện nay và phù hợp với nguyện vọng của trẻ A nên Hội Đồng xét xử quyết định giao trẻ A cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm ngừng việc cấp dưỡng nuôi con đối với ông K cho đến khi có đơn yêu cầu của bà Th.

- Về tài sản chung: Không tranh chấp. Nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn là ông Nguyễn Duy K vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa không có lý do dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định. Điều này chứng tỏ ông K không quan tâm đến việc giải quyết và hàn gắn gia đình nên không có cơ sở xem xét yêu cầu của bị đơn và vẫn tiến hành xét xử vắng mặt của bị đơn theo quy định của pháp luật.

[3] Về ý kiến của VKSND huyện H tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Luật Hôn nhân gia đình và Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị này có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Bà Th chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 227 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị Kim Th: Bà Đoàn Thị Kim Th, sinh năm 1977 được ly hôn với ông Nguyễn Duy K, sinh năm 1974.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Đoàn Thiên A, sinh ngày 07/4/2009, sau ly hôn giao trẻ A cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm ngừng việc cấp dưỡng nuôi con đối với ông Nguyễn Duy K cho đến khi có yêu cầu của bà Th.

Vì lợi ích con chung, bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết một hoặc cả hai bên có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không tranh chấp. Nợ chung: Không có.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về án phí HNGĐST: Bà Th phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001811 ngày 11/10/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận G, TP.HCM. Bà Th đã nộp xong án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07 và 09 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày niêm yết hoặc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKDND H.H;
- Chi cục THADS H.H;
- UBND phường 16, quận G, TPHCM;
- Lưu: HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hoàng Thị Yến Ngọc